TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 14/12/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Hoàng Kim Khánh
- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Vấn - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02/11/2023 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 60/2023/HNGĐ-ST ngày 18,19/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 14/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐ-PT ngày 04/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ liên lạc: Số 20 C, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Kiều Lê Anh V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: xã , huyện P, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Ngân hàng Thương mại C;

Trụ sở: 57 phố L, phường H, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L – Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 271 Nguyễn V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

2. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1978, địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

3. Ông Hồ Kim S, sinh năm 1984, địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

4. Ông Trương Quang T, sinh năm 1976, địa chỉ: TDP 15, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Tôi và anh Kiều Lê Anh V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; tôi và ông V đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Kiều Lê Anh V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống tôi và anh V có hai người con chung là cháu Kiều Ngọc Bảo T, sinh ngày 28/7/2011 và cháu Kiều Đức A, sinh ngày 15/11/2013. Nguyện vọng của tôi là được nuôi hai cháu, tuy nhiên nay các cháu đã lớn, cháu T có nguyện vọng được ở với tôi, còn cháu A có nguyện vọng được ở với anh V thì tôi đồng ý. Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có tài sản chung là diện tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (nằm trong thửa đất số 47; tờ bản đồ số 01; diện tích 1087m^2 tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo GCNQSDĐ số BA 527469 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 14/6/2010 cho bà Lê Thị T); Xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI; loại xe: Tải mui phủ; màu sơn: Xanh; năm sản xuất: 2011; Xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA; màu sơn: Trắng (Hiện đang thế chấp tại ngân hàng TMCP TP).

Về nợ chung: Năm 2020, tôi và anh V có vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 450.000.000 đồng và thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA. Tôi và anh V đã trả Ngân hàng được số tiền 150.000.000 đồng. Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện độc lập chúng tôi còn nợ 300.914.074 đồng (tính đến ngày 12/12/2022). Sau ngày 12/12/2022 cá nhân tôi thanh toán cho ngân hàng 129.400.000 đồng.

Hiện tại tôi đang quản lý, sử dụng hai chiếc xe để làm phương tiện đi lại nên tôi có nguyện vọng được giao xe ô tô tải và xe ô tô con cho tôi. Tôi sẽ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại và thanh toán tiền lại cho anh V.

Đối với diện tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk thì tôi có nguyện vọng giao đất, nhà cho anh V, anh V phải thanh toán lại giá trị tài sản cho tôi.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Kiều Lê Anh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung thì tôi đồng ý với lời trình bày của chị H. Tôi đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kiều Đức A, sinh ngày 15/11/2013 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng. Tôi đồng ý giao cháu Kiều Ngọc Bảo T, sinh ngày 28/7/2011 cho chị Phạm Thị Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đối với diện tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk đây là tài sản của mẹ tôi bà Lê Thị T, không phải tài sản chung của vợ chồng tôi nên tôi không đồng ý chia. Năm 2015, sau khi mẹ tôi làm nhà xong, mẹ tôi có cho vợ chồng tôi mượn ở tạm, do chỗ mẹ con trong nhà nên khi mẹ tôi cho mượn nhà, đất không lập giấy tờ.

Đối với xe ô tô tải và xe ô tô con là tài sản chung của tôi và chị H nên tôi đồng ý chia.

Năm 2020, tôi và chị H có vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền 450.000.000 đồng và thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA. Chúng tôi đã trả ngân hàng được số tiền 150.000.000 đồng. Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện độc lập chúng tôi còn nợ 300.914.074 đồng (tính đến ngày 12/12/2022). Sau ngày 12/12/2022 chị H là người thanh toán tiền cho Ngân hàng.

Tôi đồng ý giao hai xe cho chị H, chị H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho Ngân hàng và thanh toán tiền lại cho tôi.

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T trình bày:

Chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là diện tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (nằm trong thửa đất số 47; tờ bản đồ số 01; diện tích 1087m^2 tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo GCNQSDĐ số BA 527469 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 14/6/2010 cho tôi bà Lê Thị T) thì tôi không đồng ý, bởi tài sản trên là tài sản của tôi. Vào năm 2015, tôi xây dựng một căn nhà cấp bốn trên diện tích đất 708,2m^2 tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Từ năm 2010 đến năm 2015 vợ chồng H, V có ở chung với tôi nên sau khi làm xong nhà tôi cho vợ chồng H, V mượn để ở. Do chỗ con cái nên khi cho mượn nhà không lập giấy tờ. Tại thời điểm làm nhà tôi thiếu tiền nên có thế chấp GCNQSDĐ số BA 527469 tại Quỹ tín dụng HT để vay tiền, việc chị H cho rằng tôi có cho và chuyển nhượng cho vợ chồng H, V một phần đất là không có cơ sở. Do đó, tôi không đồng ý với việc chị H yêu cầu chia tài sản của tôi. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi của tôi.

- Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP trình bày:

Ngày 20/7/2020, anh Kiều Lê Anh V và chị Phạm Thị Ngọc H có ký kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 589/2020/HDTD/DLK/01 ngày 27/7/2020 để vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay là mua ô tô; thời hạn vay

là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; mức lãi suất được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng; tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTA; BKS 47A-344.34; số khung RLUFC41CBLN020966; số máy G$FGLU121013. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh V, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/7/2022. Nay anh V, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chia nợ chung nên Ngân hàng khởi kiện độc lập yêu cầu anh V, chị H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại thời điểm khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Kiều Lê Anh V và chị Phạm Thị Ngọc H phải thanh toán cho ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi tính đến ngày 12/12/2022 là 300.914.074 đồng (Ba trăm triệu chín trăm mười bốn ngàn không trăm bảy mươi tư đồng); Sau đó anh V, chị H có thanh toán một phần khoản nợ cho Ngân hàng. Nên hiện tại dư nợ của anh Vũ và chị Hoa tính đến ngày 29/7/2023 chỉ còn 191.649.636 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Kiều Lê Anh V và chị Phạm Thị Ngọc H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi tính đến ngày 29/7/2023 là 191.649.636 đồng và các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn trên dư nợ cho đến khi thanh toán xong cho ngân hàng. Trường hợp anh Kiều Lê Anh V và chị Phạm Thị Ngọc H không trả nợ, trả nợ không đúng hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh V cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Sau ngày 29/7/2023, nguyên đơn tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.700.000 đồng.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 138.100.000 đồng; đồng ý với sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải thanh toán cho ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi tính đến ngày 18/9/2023 là 183.988.596 đồng và các khoản lãi phát sinh trên dư nợ cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Trường hợp chị Phạm Thị Ngọc H không trả nợ, trả nợ không đúng hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 60/2023/HNGĐ-ST ngày 18, 19/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 44; khoản 1, khoản 3 Điều 46; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59; khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với anh Kiều Lê Anh V.

1.2 Về con chung: Giao con chung là cháu Kiều Ngọc Bảo T, sinh ngày 28/7/2011 cho chị Phạm Thị Ngọc H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao con chung là cháu Kiều Đức A, sinh ngày 15/11/2013 cho anh Kiều Lê Anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Kiều Lê Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Kiều Lê Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung:

1.3.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng TMCP TP.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

- Chị Phạm Thị Ngọc H được quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI; loại xe: Tải mui phủ; màu sơn: Xanh; năm sản xuất: 2011; biển kiểm soát: 47C-031.40 và 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA; màu sơn: Trắng; biển kiểm soát: 47A-344.34, đều do anh Kiều Lê Anh V đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Chị Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2023 là **183.988.596 đồng** (*Một trăm tám mươi ba triệu chín trăm tám tám ngàn năm trăm chín sáu đồng*). Kể từ ngày tiếp theo (ngày 19/9/2023) bà Hoa phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp chị Phạm Thị Ngọc H không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP TP thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 589/2020/HDTD/DLK/01 ngày 27/7/2020 là xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, mang biển kiểm soát 47A-344.34.

- Chị Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Kiều Lê Anh V số tiền: **113.955.702 đồng** (*Một trăm mười ba triệu chín trăm năm lăm ngàn bảy trăm lẻ hai đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

1.3.2 Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

1.3.3 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng TMCP TP đối với số tiền 138.100.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí; quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 25/9/2023, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà H được nuôi hai con chung; về tài sản chung thì Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chưa phù hợp với thực tế, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn xác nhận chỉ kháng cáo đối với diện tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Bị đơn anh Kiều Lê Anh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định: Về tố tụng thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn: Về hình thức đơn kháng cáo còn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh V có hai con chung là cháu Kiều Ngọc Bảo T, sinh ngày 28/7/2011 và cháu Kiều Đức A, sinh ngày 15/11/2013. Hai

cháu T và A đều đã trên 7 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của hai cháu, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2023, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu A có nguyện vọng được ở với bố. Căn cứ vào nguyện vọng của các con chung, đồng thời để đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục, phát triển về tâm sinh lý của các cháu nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Kiều Ngọc Bảo T, sinh ngày 28/7/2011 cho chị Phạm Thị Ngọc H, giao cháu Kiều Đức A, sinh ngày 15/11/2013 cho anh Kiều Lê Anh V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu được nuôi hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V cũng không đồng ý với yêu cầu của chị H.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là chị H về việc yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, thì thấy:

Chị H cho rằng nguồn gốc diện tích đất nêu trên là do vào năm 2014, bà Lê Thị T (mẹ chồng của chị H) tặng cho vợ chồng chị H, anh V với chiều ngang khoảng 6m, chiều dài 70m. Sau khi được bà T tặng cho đất thì chị H, anh V đã xây dựng một căn nhà cấp 4 trên đất bằng nguồn tiền của hai vợ chồng. Cũng trong năm 2014, chị H và anh V mua thêm một phần đất của bà T là đất ở bên cạnh liền kề có chiều ngang khoảng 05m và chiều dài khoảng 70m với giá 150.000.000 đồng, đồng thời vợ chồng chị H, anh V đã thanh toán cho bà T 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau khi sang tên sẽ thanh toán hết số tiền còn lại. Việc bà T tặng cho và chuyển nhượng một phần đất thì hai bên không viết giấy tờ gì nên không cung cấp được cho Tòa án. Còn anh Kiều Lê Anh V và bà Lê Thị T thì xác định quyền sử dụng đất đối với diện tích 708,2m^2 là tài sản của bà T và toàn bộ công trình trên đất là do bà T tạo lập, sau đó bà T cho vợ chồng anh V, chị H mượn để ở và không có việc tặng cho hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh V, chị H như chị H trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, các nhân chứng như ông Nguyễn Đình P, ông Đặng Văn H, ông Hồ Kim S, ông Trường Quang T là những người đổ đất, cung cấp vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, thợ cơ khí và chủ thầu xây dựng đều khai bà Lê Thị T là người trực tiếp thuê, mua và thanh toán tiền cho họ để hoàn thiện căn nhà tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với ý kiến trình bày của bà T và anh V.

Mặt khác, hiện nay diện tích đất 708,2m^2 này vẫn nằm trong thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích 1.087m^2 tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk đã được Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 527469, cấp cho bà Lê Thị T vào ngày 14/6/2010. Ngoài ra, vào ngày 16/9/2015, bà T có thế chấp quyền sử dụng đất trên để vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã HT và đến ngày 07/7/2016, bà T mới tất toán khoản vay và xóa thế chấp.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị H còn có cung cấp cho Tòa án một Đơn xin xác nhận đề ngày 15/11/2022, có xác nhận của Ban tự quản thôn và UBND xã T, với nội dung: Chị H, ông V đã có nhà ở ổn định tại thôn 1, xã T thì thấy chỉ

xác nhận là có nhà ở ổn định, không xác nhận quyền sở hữu hay sử dụng nên nội dung xác nhận trên là không đủ cơ sở để khẳng định quyền sử dụng đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị H, anh V. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ quan trọng khác để chứng minh việc tặng cho đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và vợ chồng chị H, anh V.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk của nguyên đơn chị H là có cơ sở nên không chấp nhận kháng cáo.

[3] Đối với tài sản là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát: 47C-031.40 và 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA, biển kiểm soát: 47A-344.34, đều do anh Kiều Lê Anh V đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản chung của vợ chồng anh V, chị H và khoản nợ Ngân hàng TMCP TP của vợ chồng thì thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm anh V, chị H đã thỏa thuận được với nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Đồng thời, chị H cũng không có kháng cáo về số tài sản và số nợ chung này nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nữa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ H, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 60/2023/DS-ST ngày 18, 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 44; khoản 1, khoản 3 Điều 46; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59; khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với anh Kiều Lê Anh V.

- Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Kiều Ngọc Bảo T, sinh ngày 28/7/2011 cho chị Phạm Thị Ngọc H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành;

+ Giao con chung là cháu Kiều Đức A, sinh ngày 15/11/2013 cho anh Kiều Lê Anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Kiều Lê Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Kiều Lê Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.2] Về tài sản chung và nợ chung:

[1.2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng TMCP TP.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

- Chị Phạm Thị Ngọc H được quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI; loại xe: Tải mui phủ; màu sơn: Xanh; năm sản xuất: 2011; biển kiểm soát: 47C-031.40 và 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA; màu sơn: Trắng; biển kiểm soát: 47A-344.34, đều do anh Kiều Lê Anh V đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Chị Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2023 là **183.988.596 đồng** (*Một trăm tám mươi ba triệu chín trăm tám tám ngàn năm trăm chín sáu đồng*). Kể từ ngày tiếp theo (ngày 19/9/2023) bà H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp chị Phạm Thị Ngọc H không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP TP thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 589/2020/HDTD/DLK/01 ngày 27/7/2020 là xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, mang biển kiểm soát 47A-344.34.

- Chị Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Kiều Lê Anh V số tiền: **113.955.702 đồng** (*Một trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ hai đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tích đất 708,2m^2 và tài sản trên đất tại thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng

TMCP Tiên Phong đối với số tiền 138.100.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số **AA/2022/0003382** ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, chị Phạm Thị Ngọc H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Y Phi Kbuôr